

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1573/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01/11/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1424/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 559/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 5, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 180, Đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số 35, Đường 58, Tổ 5, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/11/2020, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/01/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Chị N và anh Trần Văn T có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 218 Quyển số 02/2013 ngày 23/09/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên gây gổ, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn

được. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 30/7/2014, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung, về mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 30/7/2014, hiện nay cháu P đang sống cùng anh T nên anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn T, đây là tranh chấp về “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị N có đơn xin vắng mặt, anh T không có mặt tại phiên hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử không thể hòa giải đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T.

[3] Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Văn T có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 218 Quyền số 02/2013 ngày 23/09/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 30/7/2014; vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa anh T thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai bên theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 (một) con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 30/7/2014. Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, anh T trình bày cháu Hoàng P đang sống cùng với anh T và ông bà nội nên đề nghị cho anh T được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Hoàng P đang sống cùng anh T, cháu đã trên 07 tuổi và nguyện vọng được tiếp tục sống với ba. Từ ngày 05/01/2021, chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không đến Tòa án thể hiện ý kiến gì khác. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 218 Quyển số 02/2013 ngày 23/09/2013 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 30/7/2014, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị N chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0085274 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- UBND xã Tân Phú Trung (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà